

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Các yếu tố rủi ro chính ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và việc thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty trong năm 2020	46
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	48
<i>Bảng tổng hợp kết quả SXKD năm 2020</i>	48
<i>Thống kê số liệu về sản xuất kinh doanh Đạm Phú Mỹ của Tổng công ty</i>	50
<i>Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm và nguồn cung cấp – đánh giá nguyên nhân</i>	52
<i>Phân tích các mảng nổi bật trong sản xuất, kinh doanh</i>	53
Công tác đầu tư dự án và đầu tư khác	54
Tình hình tài chính của Tổng công ty	55
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	56
<i>Đánh giá chung</i>	56
<i>Kết quả SXKD trong năm</i>	57
<i>Phân tích về tình hình tài chính</i>	58

CÁC YẾU TỐ RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2020

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, VẬN HÀNH NHÀ MÁY

Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị sản xuất chủ lực của Tổng công ty đã vận hành hơn 16 năm, mặc dù được bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ và thường xuyên, nhưng đã bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc của hệ thống máy móc, thiết bị. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới nguy cơ nhà máy phải ngừng hoạt động để khắc phục, và thời gian dừng hoạt động của nhà máy sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động xấu đến an toàn cho môi trường, cho người lao động và tăng chi phí khắc phục.



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

Hiện nay, thị trường phân đạm trong nước có nhu cầu ổn định khoảng 2 triệu tấn, trong khi đó tổng năng lực cung ứng của các nhà sản xuất trong nước đạt hơn 2,6 triệu tấn. Trong những năm qua, thực tế cho thấy mặc dù đã xuất hiện mức độ cạnh tranh cao, nhưng nguồn cung từ các nhà máy trong nước chưa đạt đến mức công suất thiết kế, cộng với uy tín của sản phẩm Đạm Phú Mỹ, Tổng công ty vẫn duy trì được khả năng tiêu thụ hết sản lượng phân đạm sản xuất với mức giá tốt nhất thị trường. Tuy nhiên, không loại trừ rủi ro suy giảm thị phần và giá bán sản phẩm khi mà năng lực và chất lượng vận hành của các nhà sản xuất khác trong nước ngày càng tăng lên, cũng như do tác động từ các nguồn hàng nhập khẩu.

Sản phẩm NPK Phú Mỹ, với công nghệ, định vị sản phẩm ở phân khúc cao cấp, chất lượng cao, hướng tới đáp ứng nhu cầu sửa dụng cho cây trồng có giá trị cao, đầu tư lớn nên sản lượng, thị phần có rủi ro suy giảm khi giá nông sản xuống thấp.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai thời tiết khắc nghiệt, bất thường, tình trạng hàng giả, hàng nhái cũng là những rủi ro lớn đối với ngành phân bón, đặc biệt là sản phẩm có uy tín như phân bón Phú Mỹ.



RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Khí đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất phân đạm hiện nay của Tổng công ty. Nguồn khí được Chính phủ bảo đảm cung cấp đủ tuy nhiên giá bán đã căn cứ theo giá thị trường với mức cước phí vận chuyển hàng năm phụ thuộc vào nguồn khí sử dụng do các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá khí biến động phụ thuộc theo thị trường cũng sẽ có thời điểm biến động ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Bên cạnh đó, do khí thiên nhiên là nguồn tài nguyên có hạn và không có nguồn ổn định trong dài hạn, việc huy động khí từ nhiều nguồn khác nhau sẽ chịu những chi phí vận chuyển khác nhau.



RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC

Tổng công ty có một số khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào một số công ty không cùng lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và gặp tình trạng khó khăn trong SXKD như VNPOLY (PVTEX), PVC Mekong. Theo kế hoạch tái cấu trúc, Tổng công ty đặt ra mục tiêu thoái hết vốn khỏi các doanh nghiệp này. Tuy nhiên, mục tiêu này khó có thể đạt được như mong muốn do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Tổng công ty đã có các biện pháp trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản vốn đầu tư, tuy nhiên, trong quá trình tìm kiếm phương án thoái vốn, Tổng công ty phải triển khai một số hoạt động hỗ trợ, giúp các công ty này nâng cao dần hiệu quả hoạt động, nhằm thu hút các nhà đầu tư khác. Những biện pháp hỗ trợ này trước mắt có khả năng phát sinh thêm chi phí cho Tổng công ty.

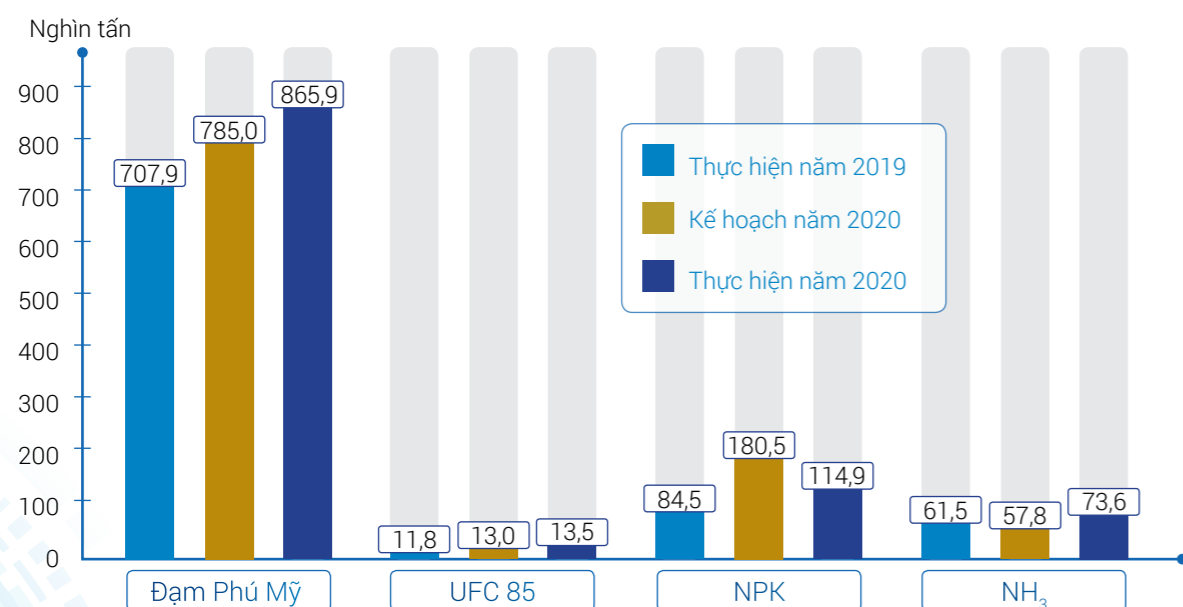


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

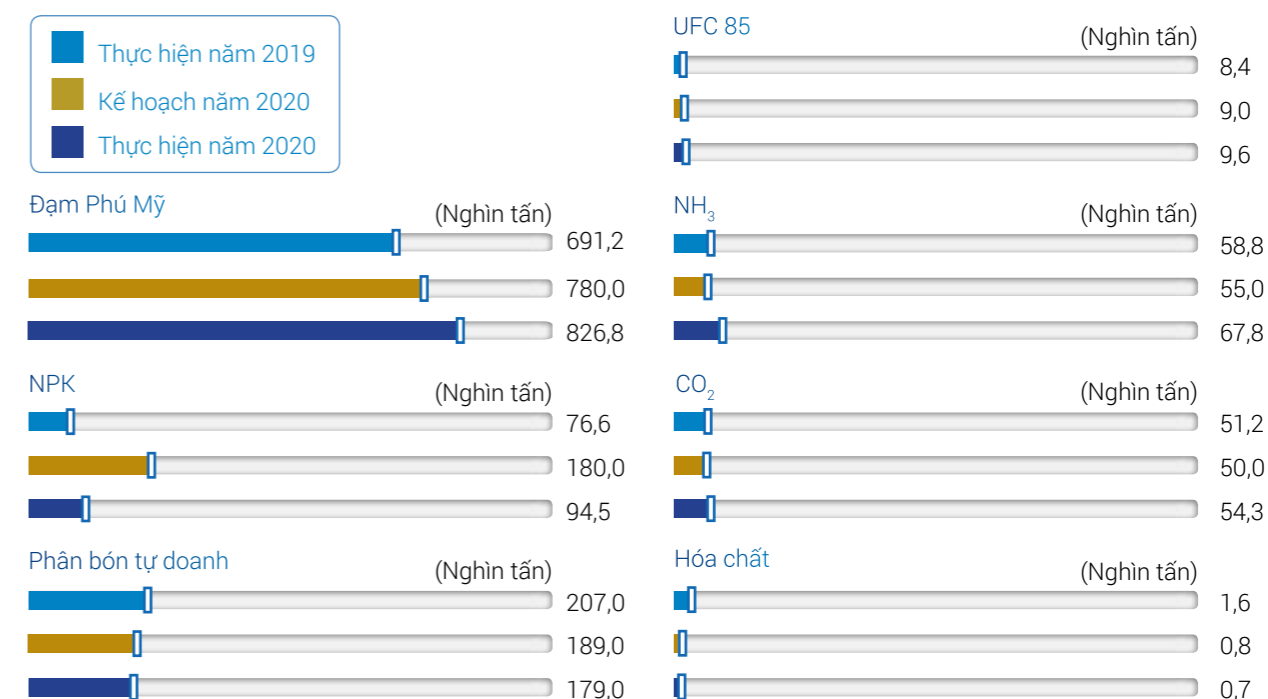
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với năm 2019 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT						
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	707,9	785,0	865,9	122%	110%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	11,8	13,0	13,5	115%	104%
1.3	NPK	Nghìn tấn	84,5	180,0	114,9	136%	64%
1.4	NH ₃ (để bán)	Nghìn tấn	61,5	57,8	73,6	120%	127%
2	SẢN LƯỢNG KINH DOANH						
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	691,2	780,0	826,8	120%	106%
2.2	NPK	Nghìn tấn	76,6	180,0	94,5	123%	52%
2.3	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	207,9	189,0	179,0	86%	95%
2.4	UFC 85	Nghìn tấn	8,4	9,0	9,6	114%	107%
2.5	NH ₃ (bán ra thị trường)	Nghìn tấn	58,8	55,0	67,8	115%	123%
2.6	CO ₂	Nghìn tấn	51,2	50,0	54,3	106%	109%
2.7	Hóa chất	Nghìn tấn	1,6	0,8	0,7	41%	84%
3	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (hợp nhất)						
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.831,0	9.237,5	8.038,0	103%	87%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	467,1	512,6	847,9	182%	165%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	388,9	432,8	701,6	180%	162%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	127,9	159,2	439	343%	276%

Sản lượng sản xuất các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2020



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với năm 2019 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
4	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ						
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.041,5	7.589,1	8.127,1	101%	107%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914,0	3.914,0	3.914,0	100%	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.006,1	8.703,1	7.411,4	106%	85%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	435,5	491,4	815,2	187%	166%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	370,4	420,5	691,3	184%	162%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	9%	11%	17%	184%	162%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	106,7	141,9	419,2	343%	276%
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	116,3	106,7	75,0	64%	70%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	100,0	66,7	56,1	56%	84%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	16,3	40,0	18,8	116%	47%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng					
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	116,3	106,7	75,0	64%	70%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	41,8	83,2	75,0	179%	90%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	74,5	23,5		0%	0%

Sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2020



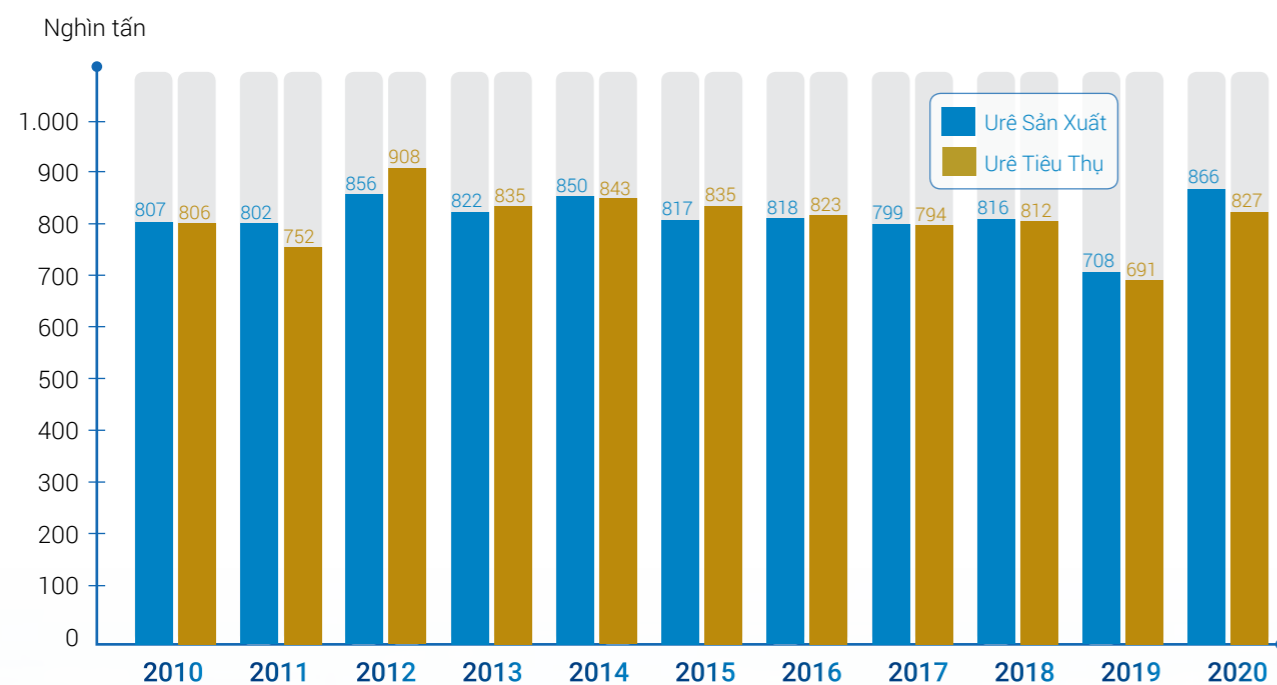
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠM PHÚ MỸ CỦA TỔNG CÔNG TY

CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: **Nghìn tấn**

Sản phẩm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Urê SX	807	802	856	822	850	817	818	799	816	708	866
Urê tiêu thụ	806	752	908	835	843	835	823	794	812	691	827

Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về sản lượng

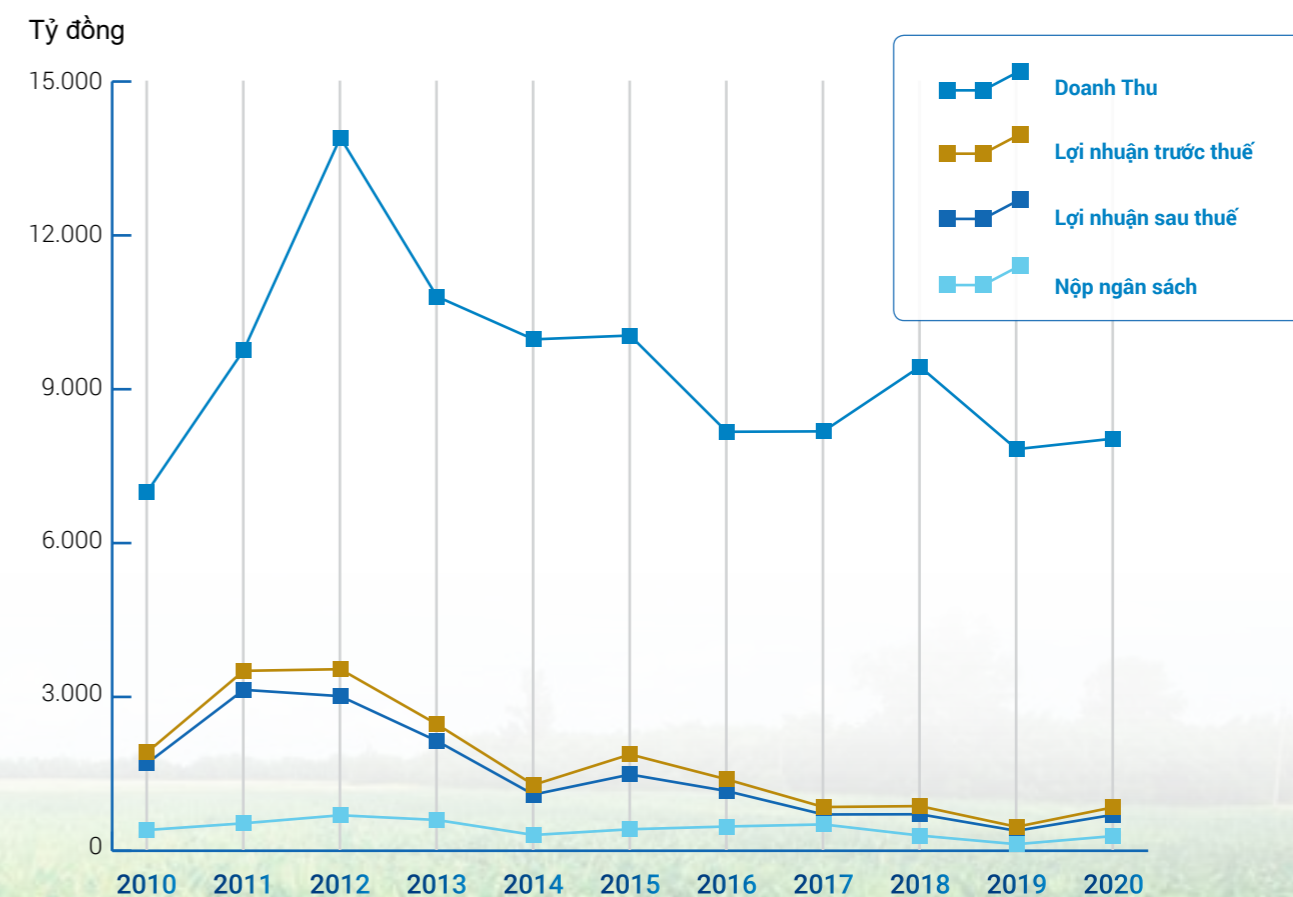


CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: **Tỷ đồng**

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu	6.999	9.763	13.906	10.807	9.972	10.047	8.170	8.178	9.439	7.831	8.038
Nộp NS	405	537	694	602	308	420	474	515	297	128	439
Lợi nhuận trước thuế	1.922	3.510	3.542	2.468	1.285	1.880	1.393	853	871	467	848
Lợi nhuận sau thuế	1.706	3.140	3.016	2.142	1.096	1.488	1.165	708	712	389	702

Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về tài chính hợp nhất



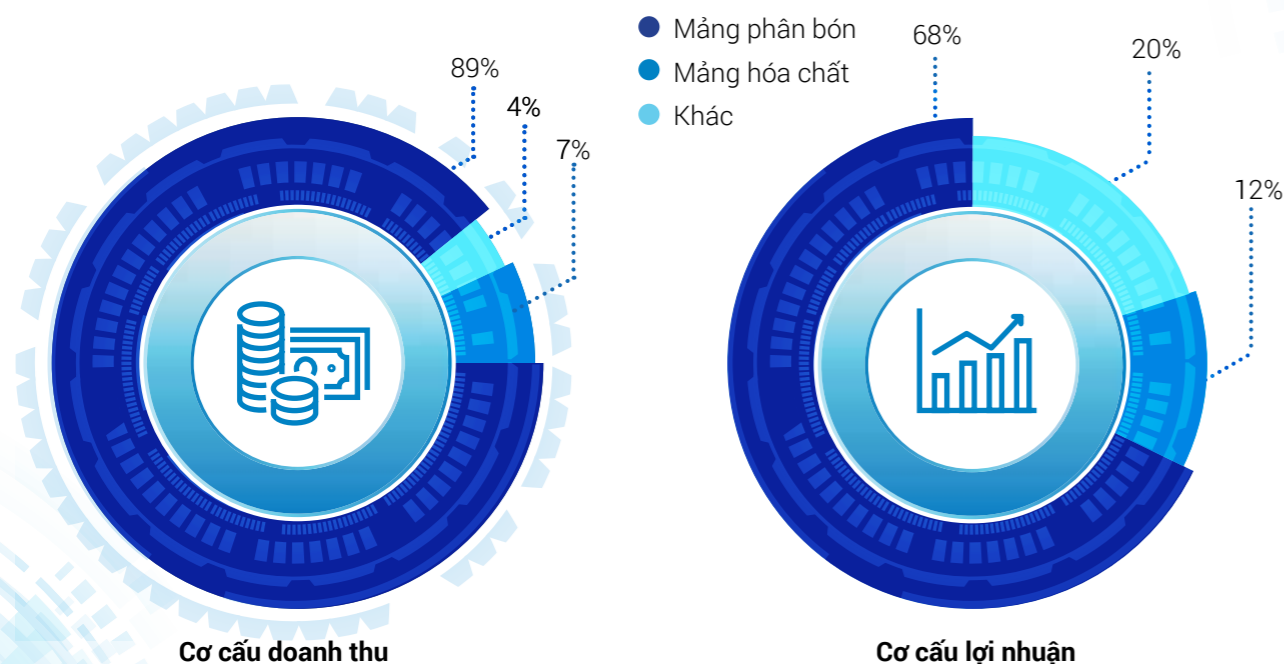
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

NHỮNG THAY ĐỔI, BIẾN ĐỘNG LỚN VỀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH, DOANH THU, LỢI NHUẬN, CHI PHÍ, THỊ TRƯỜNG, SẢN PHẨM VÀ NGUỒN CUNG CẤP - ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN

NHỮNG YẾU TỐ BIẾN ĐỘNG NỔI BẬT GÂY KHÓ KHĂN CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020, CÓ THỂ ĐÁNH GIÁ NHƯ SAU:

- Về thị trường: Trong năm 2020, Việt Nam đã giảm mạnh nhập khẩu urê (giảm 78% về lượng và 80% về kim ngạch) so với năm 2019 do ảnh hưởng dịch Covid-19, giá urê thế giới nhập về tăng cao hơn giá nội địa trong khi nguồn cung trong nước tăng cao. Trong khi đó, xuất khẩu urê tăng mạnh trong năm 2020, đạt gần 450 nghìn tấn, tăng 133% so với năm 2019, kim ngạch tăng 106%, đạt 116 triệu USD. Giá bán nhóm nông sản tiêu thụ chủ yếu phân NPK, urê như hồ tiêu, cà phê, cao su, lúa đều giảm sâu nên ảnh hưởng đến khả năng đầu tư/tái đầu tư cho phân bón, thậm chí một số vùng thu hẹp diện tích canh tác/bỏ ruộng kéo theo giá bán các loại phân bón đều giảm so với năm 2019. Biến đổi khí hậu, tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn tiếp tục diễn ra nghiêm trọng tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, lũ lụt tại miền Trung làm diện tích gieo trồng và năng suất của các loại cây trồng sụt giảm dẫn tới nhu cầu phân bón giảm.
- Dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang các thị trường tiêu thụ nông sản chủ lực, việc dịch bệnh bùng phát làm hoạt động kinh doanh nông sản của Việt Nam sang các thị trường này có thời gian bị gián đoạn, và hiện nay việc giao thương vẫn rất thận trọng nhằm tránh lây nhiễm dịch bệnh, đây là nguyên nhân làm sản lượng xuất khẩu và giá nông sản giảm mạnh, dẫn đến đầu tư cho nông nghiệp bị hạn chế, khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón giảm.
- Tỷ trọng nguồn khí đồng hành có giá thấp (mỏ Bạch Hổ - Rồng Đồi Mồi, thuộc Bể Cửu Long) đạt công suất thấp hơn kế hoạch và đang suy giảm nhanh hơn dự báo, tỷ trọng khí cấp bù từ nguồn khác (Nam Côn Sơn và Cửu Long khác) tăng lên và có mức phí vận chuyển cao, khiến giá thành chi phí khí gia tăng.

Biểu đồ về cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mặt hàng phân bón, hóa chất trong năm 2020



PHÂN TÍCH CÁC MẢNG NỔI BẬT TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Sản lượng
sản xuất Urê PM
866
NGHÌN TẤN

Về sản xuất

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 36 ngày, sản lượng cả năm đạt 866 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ, vượt 10% so với kế hoạch. Sản lượng NPK Phú Mỹ là 115 nghìn tấn - đạt 64% kế hoạch và tăng 36% so với năm 2019. Sản lượng NH₃ dành tiêu thụ đạt 68 nghìn tấn - tăng 15% so với năm 2019.

Kinh doanh
hiệu quả
1,1
TRIỆU TẤN
PHÂN BÓN

Về kinh doanh

Kinh doanh hiệu quả 1,1 triệu tấn phân bón (827 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ; 95 nghìn tấn NPK; 179 nghìn tấn phân bón khác) và 132 nghìn tấn hóa chất, cùng với đó là:

- Giữ vững thương hiệu "Đạm Phú Mỹ" ở vị trí dẫn đầu;
- Chất lượng bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ tiếp tục được khẳng định khi sản phẩm Đạm Phú Mỹ đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 17 liên tiếp; Thương hiệu Quốc gia lần 4;
- Xuất khẩu Đạm Phú Mỹ đạt gần 71.000 tấn.

Doanh thu
8.038
TỶ ĐỒNG

Doanh thu

Doanh thu đạt 8.038 tỷ đồng, đạt 87% KH năm, tăng 3% so với năm 2019. Doanh thu giảm so với KH chủ yếu do diễn biến thị trường bất lợi, giá bán sụt giảm.

Lợi nhuận
trước thuế
848
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế đạt 848 tỷ đồng - đạt 165% KH năm, tăng 82% so với năm 2019. Doanh thu không đạt KH nhưng lợi nhuận vượt KH năm chủ yếu do Tổng công ty tối ưu được chi phí quản lý bán hàng; tiết kiệm định mức năng lượng, chi phí nguyên liệu đầu vào so với kế hoạch, làm giá thành sản phẩm sản xuất chính giảm từ 3-15%.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ KHÁC

Theo kế hoạch năm 2020, PVFCCo triển khai đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 107 tỷ đồng. Năm 2020 PVFCCo đã thực hiện giải ngân được 75 tỷ đồng đạt 70% kế hoạch năm theo tiến độ thực tế.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN

(Báo cáo tóm tắt về kết quả hoạt động của các công ty con, công ty góp vốn)

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế (tỷ đồng)	VĐL (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/VĐL	Cố tức nhận trong năm 2020 (tỷ đồng)
I	Đầu tư vào Công ty con		386,25	515,00	41,25		31,88
1	PVFCCo North	75,00%	90,00	120,00	8,79	7,3%	9,00
2	PVFCCo Central	75,00%	75,00	100,00	12,83	12,8%	9,00
3	PVFCCo SE	75,00%	93,75	125,00	11,26	9,0%	7,50
4	PVFCCo SW	75,00%	127,50	170,00	8,37	4,9%	6,38
II	Đầu tư vào Công ty LDLK		680,90	2.487,80	-586,70		1,42
1	VNPOLY	25,99%	562,70	2.165,11	-603,03	-	-
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	10,14	3,6%	-
3	PVFCCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	6,19	14,7%	1,42
III	Đầu tư dài hạn khác		20,50	396,35	-41,89		0,07
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	3,58	8,4%	0,07
2	Công ty CP Thủy hải sản Útxi	6,78%	16,90	354,00	-45,47	-	-
	TỔNG CỘNG		1.087,65	3.399,15	-587,34	-	33,37



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ lệ tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	11.440	11.300	-1%
› Tài sản ngắn hạn	5.944	6.314	6%
› Tài sản dài hạn	5.496	4.986	-9%
TỔNG NGUỒN VỐN	11.440	11.300	-1%
NỢ PHẢI TRẢ	3.279	3.052	-7%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.161	8.247	1%
› Vốn điều lệ	3.914	3.914	0%
TỔNG DOANH THU	7.831	8.038	3%
TỔNG CHI PHÍ	7.366	7.192	-2%
LÃI VAY	106,9	88,4	-17%
EBIT	574	934	63%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	467	848	82%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	389	702	80%
› LNST cổ đông thiểu số	11	10	-8%
› LNST Công ty mẹ	378	692	83%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,88	3,12
Hệ số thanh toán nhanh	2,23	2,39
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	28,66%	27,01%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	40,18%	37,01%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Vòng quay hàng tồn kho	4,17	4,28
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	67,16%	68,69%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	5,06%	9,04%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	5,96%	10,55%
ROE	4,74%	8,55%
ROA	3,45%	6,17%

ĐÁNH GIÁ CHUNG

BƯỚC SANG NĂM THỨ 18 KỂ TỪ NGÀY THÀNH LẬP VÀ TRẢI QUA GẦN 14 NĂM HOẠT ĐỘNG VỚI MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN, PVFCCo NGÀY Càng LỚN MẠNH, PHÁT TRIỂN VÀ KẾT TINH NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG. KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY KINH NGHIỆM, NGUỒN NHÂN LỰC CÙNG VỚI NHỮNG THAY ĐỔI PHÙ HỢP VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC ĐIỀU HÀNH, MẶC DÙ NĂM 2020 PHẢI TIẾP TỤC ĐỐI DIỆN VỚI NHIỀU THÁCH THỨC VÀ KHÓ KHĂN, NHƯNG PVFCCo ĐÃ NỖ LỰC PHẤN ĐÁU VÀ ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ NHẤT ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, TẠO TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO.

Để hoàn thành được các chỉ tiêu quan trọng Đại hội đồng cổ đông giao năm 2020, Tổng công ty đã tận dụng những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, chủ yếu như sau:

THUẬN LỢI

- Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động của NM đạm Phú Mỹ.
- Thương hiệu Phân bón Phú Mỹ tạo được uy tín với khách hàng.
- Hệ thống phân phối được triển khai sâu, rộng đến các vùng tiêu thụ.
- Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

KHÓ KHĂN

- Biến đổi khí hậu, khiến nạn hạn hán, lũ lụt, ngập mặn kỷ lục gây sụt giảm sản lượng sản xuất, thậm chí có vùng không thể canh tác được. Tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng xảy ra tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, lũ lụt tại miền Trung làm diện tích gieo trồng và năng suất của các loại cây trồng sụt giảm dẫn tới nhu cầu phân bón giảm;
- Dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam sang các thị trường tiêu thụ nông sản chủ lực, việc dịch bệnh bùng phát làm hoạt động kinh doanh nông sản của Việt Nam sang các thị trường này có thời gian bị gián đoạn, và hiện nay việc giao thương vẫn rất thận trọng nhằm tránh lây nhiễm dịch bệnh, đây là nguyên nhân làm sản lượng xuất khẩu và giá nông sản giảm mạnh, dẫn đến đầu tư cho nông nghiệp bị hạn chế, khiến nhu cầu tiêu thụ phân bón giảm;
- Nguồn khí có giá thấp (Bạch Hổ - Rừng Đồi Mồi, thuộc Bể Cửu Long) đang suy giảm nhanh hơn dự báo, tỷ trọng khí cấp bù từ nguồn khác (Nam Côn Sơn & Cửu Long khác) tăng lên và có mức phí vận chuyển cao, khiến chi phí khí đầu vào gia tăng;
- Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, lượng phân bón tồn kho cao, giá giảm gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ;
- Sản phẩm NPK Nhà máy sản xuất vẫn cần thêm thời gian để hoàn thiện;
- Hàng giả, kém chất lượng trên thị trường phân bón chưa được kiểm soát chặt chẽ;
- Máy móc, thiết bị đã qua 16 năm vận hành khiến giá tăng chi phí bảo dưỡng.



Xuất khẩu hàng đi Ấn Độ.

KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM

Chi tiết như trong phần Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 trang 48-49

Các tiến bộ đạt được trong năm:

TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT



Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2020 TCT tiếp tục chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh và thực hiện tốt công tác bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là tổng tiêu hao năng lượng năm 2020 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm năng lượng tại khối sản xuất đạt hơn 39 tỷ đồng.

TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Thương hiệu và thị phần Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt, đồng thời tận dụng được đà phục hồi của thị trường quốc tế, để phát triển thị trường xuất khẩu với sản lượng xuất khẩu trong một quý cao nhất từ trước đến nay (xuất khẩu 70 nghìn tấn urê Phú Mỹ trong quý 3/2020). Bên cạnh đó, là tạo được chỗ đứng trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và đặc biệt là tiếp tục phát triển mảng sản xuất và kinh doanh hóa chất.

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN & MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ



Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là 75 tỷ đồng.

Tổ hợp dự án lớn "Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hóa học": Dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH₃ hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng Nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH₃ bằng công nghệ hóa học đã được đưa vào vận hành, khai thác. Trong năm 2020, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp khoảng 1.200 tỷ đồng doanh thu, tương ứng 15% trong tổng doanh thu của Tổng công ty.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN



Với định hướng nghiên cứu phát triển gắn với thị trường, tận dụng các lợi thế, nền sản phẩm, công nghệ hiện có và góp phần giải quyết các bài toán của TCT, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới trong năm 2020 có nhiều khởi sắc, dấu ấn đặc biệt. Cụ thể, đã hoàn thành tốt việc thử nghiệm sản xuất kinh doanh sản phẩm mới từ nền urê (Đạm Phú Mỹ + KeBo) để chính thức đưa vào sản xuất kinh doanh thương mại từ năm 2021; cho ra đời sản phẩm NPK dạng lỏng phù hợp với xu thế chăm bón hiện đại, tiết kiệm nước, bảo vệ môi trường; triển khai các công việc đánh giá, báo cáo cơ hội đầu tư cho các dự án/sản phẩm tiềm năng là oxy già, melamine, phân bón hữu cơ...

TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ



Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp TCT giữ chân CBCNV có trình độ cao.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2020, hoạt động SX - KD của Tổng công ty cũng còn một số mặt cần hoàn thiện trong thời gian tới, đó là:

- › Tiến độ Dự án chậm so với tiến độ phê duyệt.
- › Đầu tư tài chính (LDLK) kém hiệu quả.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN CỦA PVFCCO

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2020 là 11.300 tỷ đồng, giảm 1% so với đầu năm (11.300/11.440 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo giảm 32% so với đầu năm (2.029/2.977 tỷ đồng) do PVFCCo tăng khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tăng 111% so với đầu năm (2.185/1.035 tỷ đồng).

TỔNG TÀI SẢN CỦA PVFCCO
TẠI NGÀY 31/12/2020

11.300
TỶ ĐỒNG



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Khoản nợ phải trả năm 2020 của PVFCCo là 3.052 tỷ đồng, giảm 7% so với đầu năm (3.052/3.279 tỷ đồng).

Các chỉ số tổng nợ/tổng tài sản, tổng nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2019 và khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2020 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.

Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 2.029 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ
NĂM 2020 CỦA PVFCCO

3.052
TỶ ĐỒNG

Giảm **7%** so với đầu năm



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA đều tăng nhiều so với năm 2019 (lần lượt tăng 81% và 79%).

CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI
CỦA PVFCCO NHƯ ROE, ROA

Tăng lần lượt

81% VÀ 79%

